

Số: 10/TB-LNT

Quận 8, ngày 03 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 03 NĂM 2025

Căn cứ Thông báo số 4767/TB-BHXH ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh về mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp kể từ ngày 01/7/2024;

Căn cứ Công văn số 3335/UBND-PGDĐT ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc chấp thuận mức thu các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024-2025;

Căn cứ nội dung họp Cha mẹ học sinh đầu năm học 2024-2025 ngày 12 tháng 10 năm 2024;

Căn cứ Biên bản họp thống nhất về việc triển khai các nội dung thu trong năm và các chế độ miễn giảm năm học 2024-2025 giữa nhà trường và Ban Đại diện Cha mẹ học sinh ngày 12 tháng 10 năm 2024.

Trường Tiểu học Lý Nhân Tông thông báo các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác tháng 03/2025 như sau:

*** GHI CHÚ:**

1) TRƯỜNG TIỂU HỌC KHÔNG THU HỌC PHÍ.

2/ Nhằm thuận tiện cho việc đóng tiền nhà trường tiến hành thu như sau:

Thời gian thu Tháng 02 từ ngày 05/03/2025 đến ngày 18/03/2025

3/ Phụ huynh vui lòng chuyển khoản như sau:

Số tài khoản: 123000081455

Tại Ngân hàng Vietinbank, Chi nhánh 8, TP.HCM

Tên tài khoản: **TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ NHÂN TÔNG**

Nội dung chuyển khoản: Tên học sinh, Lớp, Tháng đóng

Ví dụ: TranGiaLac_lop4/1_12/2020

ĐỐI VỚI HỌC SINH HỌC HAI BUỔI NGÀY

*** Học sinh Lớp 1:**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Số tiền 1 tháng	Tháng
Lớp 1:			585.500

1. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	100.000	100.000
2. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	tháng	50.000	50.000
3. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	tháng	250.000	250.000
4. Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	tháng	28.000	28.000
5. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	tháng	60.000	60.000
6. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	tháng	70.000	70.000
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	27.500	27.500

*** Học sinh Lớp 2:**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Số tiền 1 tháng	Tháng
Lớp 2:			585.500
1. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	100.000	100.000
2. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	tháng	50.000	50.000
3. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	tháng	250.000	250.000
4. Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	tháng	28.000	28.000
5. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	tháng	60.000	60.000
6. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	tháng	70.000	70.000
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	27.500	27.500

*** Học sinh Lớp 3:**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Số tiền 1 tháng	Tháng
Lớp 3:			615.500
1. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	100.000	100.000
2. Tiền tổ chức Giáo dục STEM	tháng	80.000	80.000
3. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	tháng	250.000	250.000
4. Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	tháng	28.000	28.000
5. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	tháng	60.000	60.000

6. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	tháng	70.000	70.000
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	27.500	27.500

*** Học sinh Lớp 4:**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Số tiền 1 tháng	Tháng
Lớp 4:			615.500
1. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	100.000	100.000
2. Tiền tổ chức Giáo dục STEM	tháng	80.000	80.000
3. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	tháng	250.000	250.000
4. Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	tháng	28.000	28.000
5. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	tháng	60.000	60.000
6. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	tháng	70.000	70.000
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	27.500	27.500

*** Học sinh Lớp 5:**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Số tiền 1 tháng	Tháng
Lớp 5:			615.500
1. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	100.000	100.000
2. Tiền tổ chức Giáo dục STEM	tháng	80.000	80.000
3. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	tháng	250.000	250.000
4. Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	tháng	28.000	28.000
5. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	tháng	60.000	60.000
6. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	tháng	70.000	70.000
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	27.500	27.500

ĐỐI VỚI HỌC SINH HỌC BÁN TRÚ

*** Học sinh Lớp 1 bán trú:**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Số tiền 1 tháng	Tháng
--------------	-------------	-----------------	-------

Lớp 1:			1.500.500
1. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	100.000	100.000
2. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	tháng	50.000	50.000
3. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	tháng	250.000	250.000
4. Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	tháng	28.000	28.000
5. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	tháng	60.000	60.000
6. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	tháng	70.000	70.000
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	27.500	27.500
8. Tiền suất ăn trưa bán trú (21 ngày)	ngày	35.000	735.000
9. Dịch vụ phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	tháng	180.000	180.000

*** Học sinh Lớp 2 bán trú:**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Số tiền 1 tháng	Tháng
Lớp 2:			1.500.500
1. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	100.000	100.000
2. Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	tháng	50.000	50.000
3. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	tháng	250.000	250.000
4. Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	tháng	28.000	28.000
5. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	tháng	60.000	60.000
6. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	tháng	70.000	70.000
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	27.500	27.500
8. Tiền suất ăn trưa bán trú (21 ngày)	ngày	35.000	735.000
9. Dịch vụ phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	tháng	180.000	180.000

*** Học sinh Lớp 3 bán trú:**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Số tiền 1 tháng	Tháng
Lớp 3:			1.530.500
1. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	100.000	100.000

2. Tiền tổ chức Giáo dục STEM	tháng	80.000	80.000
3. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	tháng	250.000	250.000
4. Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	tháng	28.000	28.000
5. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	tháng	60.000	60.000
6. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	tháng	70.000	70.000
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	27.500	27.500
8. Tiền suất ăn trưa bán trú (21 ngày)	ngày	35.000	735.000
9. Dịch vụ phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	tháng	180.000	180.000

*** Học sinh Lớp 4 bán trú:**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Số tiền 1 tháng	Tháng
Lớp 4:			1.530.500
1. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	100.000	100.000
2. Tiền tổ chức Giáo dục STEM	tháng	80.000	80.000
3. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	tháng	250.000	250.000
4. Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	tháng	28.000	28.000
5. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	tháng	60.000	60.000
6. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	tháng	70.000	70.000
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	27.500	27.500
8. Tiền suất ăn trưa bán trú (21 ngày)	ngày	35.000	735.000
9. Dịch vụ phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	tháng	180.000	180.000

*** Học sinh Lớp 5 bán trú:**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Số tiền 1 tháng	Tháng
Lớp 5:			1.530.500
1. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	100.000	100.000
2. Tiền tổ chức Giáo dục STEM	tháng	80.000	80.000

3. Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	tháng	250.000	250.000
4. Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	tháng	28.000	28.000
5. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	tháng	60.000	60.000
6. Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	tháng	70.000	70.000
7. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	27.500	27.500
8. Tiền suất ăn trưa bán trú (21 ngày)	ngày	35.000	735.000
9. Dịch vụ phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	tháng	180.000	180.000

*** CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM**

- Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn:

+ Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo quy định tại Công văn số 794/SGDDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022.

Nơi nhận:

- Niêm yết tại sảnh A;
- Tài vụ;
- GVCN;
- PHHS;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Kim Huệ